

Số: 56/2026/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định cơ chế quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là Chương trình nâng cao năng suất

chất lượng).

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ của Chương trình nâng cao năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức chi để thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng

1. Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm báo chí, xuất bản (các chương trình, chuyên mục, tiểu phẩm, ký sự, bài viết): Mức chi theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng các tác phẩm văn học nghệ thuật (tranh, pa-nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu, bảng điện tử): Mức chi theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi sản xuất các tài liệu, ấn phẩm dưới dạng chương trình truyền hình, chương trình phát thanh: Mức chi theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi khác (chi phí in, phát hành đối với báo chí in, xuất bản phẩm): Áp dụng mức chi theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước, thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi tổ chức các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Mức chi đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng

Chi tổ chức các khóa đào tạo trong nước đối với chuyên gia năng suất chất lượng, giảng viên năng suất chất lượng, cán bộ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và người lao động kiến thức, kỹ năng về năng suất chất lượng; mở rộng đào tạo kiến thức về năng suất chất lượng trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

1. Chi hỗ trợ nâng cao năng lực tổ chức chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật để được công nhận, thừa nhận ở khu vực và quốc tế được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ: Mức chi theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chi hỗ trợ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái

của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 5. Mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình nâng cao năng suất chất lượng tại địa phương

1. Chi tư vấn xác định nhiệm vụ; tuyển chọn các nhiệm vụ của Chương trình nâng cao năng suất chất lượng; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện dự án, nhiệm vụ của Chương trình nâng cao năng suất chất lượng; tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của cơ quan thường trực hoặc đầu mối tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình nâng cao năng suất chất lượng; tổ chức hội thảo khoa học: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chi công tác phí, tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết Chương trình: Áp dụng mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND.

3. Chi văn phòng phẩm, thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, thông tin liên lạc): Mức chi thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chi các hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng: Áp dụng mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí; mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 6. Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

Chi nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 35/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ: Mức chi theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc ngân sách tỉnh.

2. Nguồn chi ngân sách tỉnh bố trí để lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ của

Chương trình nâng cao năng suất chất lượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác.

3. Kinh phí của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 5 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Nghị quyết số 73/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 tại tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 30 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường và đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, Cthđnd (dtqq).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Tuy